

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC: CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**1. Mô tả, lĩnh vực xã hội**

Sự kiện	Ngày càng nhiều học sinh, sinh viên Việt Nam sang du học tại Nhật Bản dưới nhiều hình thức khác nhau cho dù cuộc sống du học rất khó khăn, vất vả
Mâu thuẫn	Lý thuyết: du học sinh Việt Nam đến Nhật Bản để học tập là chính, ngoài ra có thể đi làm thêm để phụ tiền sinh hoạt phí Thực tế: cuộc sống của họ tại Nhật Bản lại rất phức tạp, căng thẳng
Câu hỏi	Thực trạng cuộc sống của du học sinh Việt Nam tại Nhật Bản như thế nào?
Nhiệm vụ	Tìm hiểu thực trạng cuộc sống của du học sinh Việt Nam tại Nhật Bản
Tên đề tài	Sự phức tạp trong cuộc sống của du học sinh Việt Nam tại Nhật Bản?
Mục tiêu nghiên cứu	Chỉ ra hiện trạng cuộc sống phức tạp của du học sinh Việt Nam tại Nhật Bản
Phạm vi nghiên cứu	Thời gian: từ tháng 6 – tháng 12 năm 2016 Không gian: khảo sát tại 2 khu vực chính là Hokkaido và Osaka, Nhật Bản Nội dung:
Khách thể nghiên cứu	Du học sinh Việt Nam tại Nhật Bản
Câu hỏi nghiên cứu	Cuộc sống của du học sinh Việt Nam tại Nhật Bản phức tạp như thế nào?
Giả thuyết nghiên cứu	Du học sinh Việt Nam tại Nhật Bản phải vừa đi học và đi làm thêm vất vả, áp lực cuộc sống căng thẳng
Phương pháp nghiên cứu	Phân tích tài liệu, phỏng vấn, điều tra bằng bảng hỏi
Dự kiến luận cứ lý thuyết	Khái niệm “du học sinh”, các hình thức du học

Dự kiến luận cứ thực tiễn	Trong 120 du học sinh được hỏi thì có 100 du học sinh ngoài thời gian đi học phải làm thêm hầu hết thời gian rảnh rỗi của mình với các công việc chủ yếu như: phục vụ tại nhà hàng, ...
---------------------------	---

2. Nguyên nhân, lĩnh vực văn hóa

Sự kiện	Văn hóa Hàn Quốc xâm nhập vào Việt Nam ngày càng nhanh chóng và có sức lan truyền lớn, ảnh hưởng đến văn hóa truyền thống
Mâu thuẫn	Lý thuyết: duy trì bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trên cơ sở giao lưu vừa phải, có chọn lọc với các nền văn hóa nước ngoài Thực tế: văn hóa Hàn Quốc xâm nhập nhanh chóng và có sự tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống
Câu hỏi	Tại sao văn hóa Hàn Quốc lại có sức lan truyền rất lớn vào Việt Nam?
Nhiệm vụ	Tìm ra nguyên nhân khiến văn hóa Hàn Quốc có sức lan truyền lớn vào Việt Nam
Tên đề tài	Tác động của việc chiếu phim dài tập Hàn Quốc trên sóng truyền hình quốc gia (VTV) tới sự lan truyền mạnh mẽ văn hóa Hàn Quốc vào Việt Nam
Mục tiêu nghiên cứu	Lý giải việc văn hóa Hàn Quốc có sự lan truyền mạnh mẽ vào Việt Nam do việc chiếu phim dài tập Hàn Quốc trên sóng truyền hình quốc gia (VTV)
Phạm vi nghiên cứu	Thời gian: tháng 6 – tháng 12 năm 2016 Không gian: Nội dung:
Khách thể nghiên cứu	Phim dài tập Hàn Quốc được chiếu trên sóng truyền hình quốc gia (VTV)
Câu hỏi nghiên cứu	Tại sao việc chiếu phim dài tập Hàn Quốc trên sóng truyền hình quốc gia (VTV) có tác động dẫn đến sự lan truyền mạnh mẽ văn hóa Hàn Quốc vào Việt Nam?
Giả thuyết nghiên cứu	Phim dài tập Hàn Quốc chứa đựng văn hóa Hàn Quốc có sức hấp dẫn mọi lứa tuổi và sóng truyền hình quốc gia (VTV) là kênh thông tin được mọi người theo dõi nhiều nhất.
Phương pháp nghiên cứu	Quan sát, phỏng vấn

Dự kiến luận cứ lý thuyết	Khái niệm “phim dài tập”, “văn hóa Hàn Quốc”
Dự kiến luận cứ thực tiễn	Cứ 100 người được hỏi thì có 70 người đã từng theo dõi ít nhất 2 bộ phim dài tập Hàn Quốc trên sóng truyền hình quốc gia (VTV)

3. Giải pháp, lĩnh vực giáo dục

Sự kiện	Học sinh Tiểu học phải học tiếng Việt và tiếng Anh trong chương trình với 2 hệ thống sách giáo khoa riêng, khối lượng kiến thức lớn
Mâu thuẫn	Lý thuyết: tiếng Việt và tiếng Anh là 2 bộ môn có những nét tương đồng, học sinh Tiểu học phải lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về nghe, nói, đọc, viết Thực tế: các kĩ năng ấy của 2 bộ môn được dạy một cách rời rạc, không đồng đều nên học sinh khó tiếp thu
Câu hỏi	Cần làm gì để nâng cao hiệu quả học tiếng Việt và tiếng Anh cho học sinh Tiểu học?
Nhiệm vụ	Tìm ra giải pháp nâng cao hiệu quả học tiếng Việt và tiếng Anh cho học sinh Tiểu học
Tên đề tài	Ứng dụng sách song ngữ trong giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả học tiếng Việt và tiếng Anh cho học sinh Tiểu học
Mục tiêu nghiên cứu	Chứng minh ứng dụng sách song ngữ trong giảng dạy có thể nâng cao hiệu quả học tiếng Việt và tiếng Anh cho học sinh Tiểu học
Phạm vi nghiên cứu	Thời gian: tháng 6 – tháng 12 năm 2016
Khách thể nghiên cứu	Học sinh Tiểu học học tiếng Việt và tiếng Anh
Câu hỏi nghiên cứu	Ứng dụng sách song ngữ trong giảng dạy như thế nào để giúp nâng cao hiệu quả học tiếng Việt và tiếng Anh cho học sinh Tiểu học?
Giả thuyết nghiên cứu	Sách song ngữ giúp học sinh tiểu học hình thành tư duy ngôn ngữ song song, phát triển đồng thời các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết

Phương pháp nghiên cứu	Phân tích tài liệu, mô hình thực nghiệm
Dự kiến luận cứ lý thuyết	Khái niệm “sách song ngữ”, “học sinh Tiểu học”
Dự kiến luận cứ thực tiễn	Thực nghiệm trong 5 buổi học viết tại một lớp 30 học sinh thu được kết quả: 22 học sinh sau đó có khả năng viết ra suy nghĩ của mình đồng thời bằng cả 2 ngôn ngữ nhanh chóng, điều trước đó chưa làm được.

4. Dự báo, lĩnh vực kinh tế

Sự kiện	Các nhà thầu Thái Lan đồng loạt mua lại những trung tâm thương mại lớn, chi phối các hoạt động kinh tế của Việt Nam
Mâu thuẫn	Lý thuyết: nền kinh tế do đất nước làm chủ, người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam Thực tế: Các trung tâm thương mại lớn lại do người Thái Lan nắm giữ, người Việt Nam ưa dùng hàng nước ngoài
Câu hỏi	Trong khoảng năm 5 tới, Thái Lan sẽ ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động kinh tế của Việt Nam?
Nhiệm vụ	Dự báo sự ảnh hưởng của Thái Lan đến hoạt động kinh tế của Việt Nam trong vòng 5 năm tới
Tên đề tài	Hàng tiêu dùng Thái Lan chiếm ưu thế trên thị trường Việt Nam trong vòng 5 năm tới (2016 – 2020)
Mục tiêu nghiên cứu	Đưa ra dự báo về sự chiếm ưu thế của hàng tiêu dùng Thái Lan trên thị trường Việt Nam trong vòng 5 năm tới (2016 – 2020)
Phạm vi nghiên cứu	Không gian: khảo sát hàng tiêu dùng Thái Lan tại thị trường Việt Nam qua hệ thống siêu thị và trung tâm thương mại trên địa bàn các tỉnh phía Bắc
Khách thể nghiên cứu	Hàng tiêu dùng Thái Lan tại thị trường Việt Nam
Câu hỏi nghiên cứu	Hàng tiêu dùng Thái Lan chiếm ưu thế như thế nào trên thị trường Việt Nam trong vòng 5 năm tới (2016 – 2020)?

Giả thuyết nghiên cứu	Trong vòng 5 năm tới, hàng tiêu dùng Thái Lan chiếm tới 40 % các mặt hàng tiêu dùng tại thị trường Việt Nam
Phương pháp nghiên cứu	Phân tích tài liệu, phỏng vấn, quan sát
Dự kiến luận cứ lý thuyết	Khái niệm “thị trường”, “hàng tiêu dùng”
Dự kiến luận cứ thực tiễn	Từ năm 2012 – 2015 đã có trên 20 siêu thị hàng tiêu dùng Thái Lan vừa và nhỏ được xây dựng ở các tỉnh Đồng bằng Sông Hồng, hệ thống siêu thị BigC liên tục tăng thêm các gian hàng hàng tiêu dùng Thái Lan

5. Giải pháp, lĩnh vực kinh tế

Sự kiện	Các nhà thầu Thái Lan đồng loạt mua lại những trung tâm thương mại lớn, hàng Thái Lan ồ ạt xâm chiếm thị trường Việt Nam
Mâu thuẫn	Lý thuyết: nền kinh tế do đất nước làm chủ, người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam Thực tế: Các trung tâm thương mại lớn lại do người Thái Lan nắm giữ, người Việt Nam ưa dùng hàng nước ngoài
Câu hỏi	Cần làm gì để hạn chế sự xâm chiếm ồ ạt của hàng Thái Lan trên thị trường Việt Nam?
Nhiệm vụ	Tìm ra giải pháp khắc phục sự xâm chiếm ồ ạt của hàng Thái Lan trên thị trường Việt Nam
Tên đề tài	Gia tăng sức cạnh tranh của hàng nội địa nhằm hạn chế sự xâm chiếm ồ ạt của hàng Thái Lan trên thị trường Việt Nam
Mục tiêu nghiên cứu	Chứng minh gia tăng sức cạnh tranh của hàng hóa nội địa có thể hạn chế sự xâm chiếm ồ ạt của hàng Thái Lan trên thị trường Việt Nam
Phạm vi nghiên cứu	Không gian: khảo sát Thái Lan tại thị trường Việt Nam qua hệ thống siêu thị và trung tâm thương mại trên địa bàn các tỉnh phía Bắc
Khách thể nghiên cứu	Hàng Thái Lan tại thị trường Việt Nam

Câu hỏi nghiên cứu	Thực hiện gia tăng sức cạnh tranh của hàng nội địa như thế nào để hạn chế sự xâm chiếm ồ ạt của hàng Thái Lan trên thị trường Việt Nam?
Giả thuyết nghiên cứu	Tăng sức cạnh tranh của hàng nội địa bằng ưu thế giá cả và chất lượng tạo lập uy tín, thu hút người tiêu dùng
Phương pháp nghiên cứu	Phân tích tài liệu, phỏng vấn, quan sát
Dự kiến luận cứ lý thuyết	Khái niệm “thị trường”, “cạnh tranh hàng hóa”
Dự kiến luận cứ thực tiễn	Sau khi áp dụng gia tăng sức cạnh tranh, 60% các mặt hàng tiêu dùng Việt Nam đã tạo lập được thương hiệu, chiếm 80% số lượng các gian hàng tại hệ thống siêu thị.

ĐỀ TÀI MÔI TRƯỜNG:

1. **Đề tài mô tả**

1. Sự kiện: Nước ở các con sông tại Hà Nội đang bị ô nhiễm nặng.
2. Mâu thuẫn:
 - Lí thuyết: Nước là cần thiết cho con người, động thực vật. Vì vậy, nước cần được bảo vệ, giữ gìn tránh tình trạng ô nhiễm.
 - Thực tế: Nước đang bị ô nhiễm nặng nề do tác động của con người.
3. Câu hỏi:

Nước ở các con sông tại Hà Nội đang bị ô nhiễm như thế nào?
4. Nhiệm vụ:

Mô tả thực trạng
5. Tên đề tài:

Ô nhiễm nước tại các con sông ở Hà Nội đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng.
6. Nhiệm vụ nghiên cứu:

Thấy được tình trạng ô nhiễm nước ngày càng nghiêm trọng tại các con sông tại Hà Nội.
7. Câu hỏi nghiên cứu:

Ô nhiễm nước tại các con sông ở Hà Nội đang diễn ra nghiêm trọng như thế nào?
8. Giả thuyết nghiên cứu:

Ô nhiễm nước ở các con sông ở Hà Nội đang diễn ra nghiêm trọng, mức độ ô nhiễm nặng hơn, nhiễm nhiều chất hóa học...
9. Phương pháp nghiên cứu:

Thu thập thông tin, tìm kiếm tài liệu

Điều tra khảo sát

10. Luận cứ:

- Lí thuyết: Khái niệm ô nhiễm, ô nhiễm nước?
- Thực tế: Qua khảo sát 10 con sông ở Hà Nội thì 50% trong số đó ô nhiễm nặng.

Qua so sánh với các nghiên cứu trước cho thấy mức độ ô nhiễm ở các con sông nặng hơn so với trước.

11) Đối tượng nghiên cứu:

Nước tại các con sông ở Hà Nội

2. **Đề tài nguyên nhân.**

1. Sự kiện: Nước ở các con sông tại Hà Nội bị ô nhiễm nặng

2. Mâu thuẫn:

- Lí thuyết: Nước cần thiết cho con người và động thực vật. Vì vậy , nước cần được bảo vệ, giữ gìn tránh tình trạng ô nhiễm.
- Thực tế: Nước tại các con sông ở Hà Nội đang bị ô nhiễm nặng do tác động của con người.

3. Câu hỏi:

Vì sao nước tại các con sông tại Hà Nội đang ngày càng bị ô nhiễm nặng?

4. Nhiệm vụ:

Tìm ra nguyên nhân khiến nước tại các con sông ở Hà Nội đang ngày càng bị ô nhiễm nặng

5. Tên đề tài:

Tác động của việc xả nước thải chưa qua xử lí dẫn đến tình trạng ô nhiễm nước tại các con sông ở Hà Nội

6. Nhiệm vụ nghiên cứu:

Chứng minh xả nước thải chưa qua xử lí dẫn đến tình trạng ô nhiễm nước tại các con sông ở Hà Nội

7. Câu hỏi nghiên cứu:

Tại sao xả nước thải chưa qua xử lí lại dẫn tới ô nhiễm nước tại các con sông ở Hà Nội

8. Giả thuyết:

Nước thải chưa qua xử lí còn chứa nhiều độc tố, chất hóa học... nên khi xả thải ra môi trường dẫn tới nước bị ô nhiễm.

9. Phương pháp nghiên cứu:

Phân tích tài liệu, điều tra , khảo sát...

10. Luận cứ:

-Lí thuyết: Khái niệm ô nhiễm, ô nhiễm nguồn nước..

- Thực tế: Theo kết quả khảo sát các mẫu nước tại các con sông ở Hà Nội chứa hàm lượng lớn chất hóa học

Phần lớn nước thải không được xử lí mà xả thải trực tiếp ra môi trường chứa nhiều tạp chất là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới tình trạng ô nhiễm nước sông tại Hà Nội

11) Đối tượng nghiên cứu:

Nước tại các con sông tại Hà Nội

3. **Đề tài giả pháp**

1. Sự kiện: Nước ở các con sông ở Hà Nội đang bị ô nhiễm nặng

2. Mâu thuẫn:

- Lí thuyết: Nước cần thiết cho con người và động thực vật. Vì vậy, nước cần được bảo vệ, giữ gìn tránh ô nhiễm
- Thực tế: Nước tại các con sông ở Hà Nội đang bị ô nhiễm do tác động của con người

3. Câu hỏi :

Làm thế nào để ngăn chặn tình trạng ô nhiễm nước ở các con sông tại Hà Nội?

4. Nhiệm vụ:

Tìm ra giải pháp

5. Tên đề tài:

Hiệu quả của việc xử lí nước thải tại các nhà máy trong việc làm giảm tình trạng ô nhiễm nước tại các con sông trên địa bàn Hà Nội.

6. Nhiệm vụ nghiên cứu:

Chứng minh hiệu quả của giải pháp xử lí nước thải tại các nhà máy giúp giảm tình trạng ô nhiễm nước tại các con sông ở Hà Nội.

7. Câu hỏi nghiên cứu:

Việc xử lí nước thải tại các nhà máy có hiệu quả như thế nào trong việc giảm tình trạng ô nhiễm nước tại các con sông trên địa bàn Hà Nội?

8. Giả thuyết:

Việc xử lí nước thải giúp giảm lượng chất hóa học trong nước, một phần làm sạch nước trước khi thải ra môi trường

9. Phương pháp nghiên cứu

Điều tra khảo sát,

Phân tích tài liệu

10. Luận cứ:

- Lí thuyết: Khái niệm ô nhiễm, ô nhiễm môi trường nước, xử lí nước thải...
- Thực tế: Việc xử lí nước thải tại các nhà máy giúp giảm 50% tình trạng ô nhiễm nước. Lượng độc tố trong nước giảm xuống đáng kể

4. **Đề tài dự báo**

1. Sự kiện: nước ở các con sông ở Hà Nội đang bị ô nhiễm nghiêm trọng.

2. Mâu thuẫn:

-Lí thuyết :

-Thực tế:

- 3) Câu hỏi: Nước ở các con sông tại Hà Nội đang bị ô nhiễm như thế nào?
- 4) Nhiệm vụ: mô tả thực trạng
- 5) Tên đề tài:
Ô nhiễm môi trường tại các con sông ở Hà Nội có xu hướng diễn ra ngày càng nghiêm trọng trong giai đoạn 2016- 2021.
- 6) Nhiệm vụ nghiên cứu:
Mô tả thực trạng ô nhiễm môi trường nước nghiêm trọng tại các con sông ở Hà Nội trong giai đoạn 2016-2021
- 7) Câu hỏi nghiên cứu:
Trong giai đoạn 2016-2021, ô nhiễm môi trường nước tại các con sông ở Hà Nội diễn ra nghiêm trọng như thế nào?
- 8) Giả thuyết nghiên cứu:
Trong giai đoạn này, mức độ ô nhiễm nước diễn ra ngày càng nghiêm trọng.
- 9) Phương pháp nghiên cứu;
Điều tra ,phân tích tài liệu
- 10) luận cứ
 - Lí thuyết : khái niệm ô nhiễm , ô nhiễm môi trường nước...
 - Thực tế: Qua điều tra, với tình trạng xả nước thải chưa qua xử lí như bây giờ thì trong giai đoạn 2016-2021 mức độ ô nhiễm nguồn nước sẽ tăng gấp đôi .
Môi trường nước bị phá hủy

CHỦ ĐỀ GIÁO DỤC

1. **Đề tài mô tả:**
 1. Sự kiện: Số lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp cao đẳng, đại học không có việc làm ngày càng tăng
 2. Mâu thuẫn:
 - lí thuyết: sinh viên sau ra trường mong muốn có việc làm phù hợp với mình
 - thực tế: nhiều sinh viên sau ra trường thất nghiệp
- 3) Câu hỏi:
Tình trạng sinh viên sau ra trường không có việc làm diễn ra như thế nào?
- 4) Nhiệm vụ:
Mô tả thực trạng
- 5)Tên đề tài: tình trạng sinh viên sau khi ra trường không có việc làm ngày càng diễn ra nghiêm trọng
- 6) Mục tiêu: thấy được thực trạng sinh viên sau ra trường không có việc làm diễn ra ngày càng nghiêm trọng

7) Câu hỏi nghiên cứu: Tình trạng sinh viên sau khi ra trường không có việc làm diễn ra nghiêm trọng như thế nào?

8) Giả thuyết: sinh viên sau khi ra trường không có việc làm diễn ra nghiêm trọng và có xu hướng ngày càng tăng.

9) phương pháp nghiên cứu: điều tra, phân tích tài liệu, thống kê xã hội học

10) luận cứ:

- lí thuyết: khái niệm sinh viên, thất nghiệp..

- thực tế: khảo sát 100 sinh viên mới ra trường thì 50% số đó chưa có việc làm

Khảo sát những sinh viên đã ra trường của một lớp thì gần 30% thất nghiệp.

11. Đối tượng nghiên cứu: tình trạng thất nghiệp của sinh viên đã ra trường

2. Đề tài nguyên nhân:

1. Sự kiện: số lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng không có việc làm ngày càng tăng

2. Mâu thuẫn:

Lí thuyết: sinh viên sau ra trường mong muốn có việc làm phù hợp với bản thân

Thực tế: sau khi ra trường nhiều sinh viên không có việc làm

3. Câu hỏi: Nguyên nhân nào khiến sinh viên ra trường không có việc làm ngày càng tăng?

4. Nhiệm vụ: tìm ra nguyên nhân

5. Tên đề tài: Tác động của môi trường đào tạo không hiệu quả dẫn đến sinh viên sau ra trường không có việc làm

6. Mục tiêu nghiên cứu: chứng minh môi trường đào tạo không hiệu quả dẫn đến sinh viên sau ra trường không có việc làm ngày càng tăng

7. Câu hỏi: Tại sao môi trường đào tạo không hiệu quả là nguyên nhân dẫn tới tình trạng sinh viên sau ra trường không có việc làm?

8. Giả thuyết nghiên cứu: môi trường đào tạo không hiệu quả nên sinh viên không có năng lực, không đáp ứng được nhu cầu của người tuyển dụng dẫn tới thất nghiệp

9. Phương pháp nghiên cứu: điều tra, khảo sát, phân tích tài liệu

10. Luận cứ:

Khảo sát 100 sinh viên sau ra trường thì 50% không tự tin năng lực, trình độ của mình. Thiếu kỹ năng mềm.

11. Đối tượng nghiên cứu: sinh viên đã ra trường

(hoặc có thể là nguyên nhân thiếu khả năng tiếng anh; thiếu các kỹ năng mềm)

3. Đề tài giải pháp

1. Sự kiện: số lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp cao đẳng, đại học không có việc làm ngày càng tăng.
 2. Mâu thuẫn:
Lí thuyết: sinh viên sau ra trường mong muốn có việc làm phù hợp với bản thân mình.
Thực tế: nhiều sinh viên sau ra trường không có việc làm
 3. Câu hỏi: làm thế nào để giảm tình trạng sinh viên sau ra trường không có việc làm?
 4. Nhiệm vụ: tìm ra giải pháp
 5. Tên đề tài: Hiệu quả của biện pháp nâng cao trình độ, tay nghề trong quá trình đào tạo trong việc giảm tình trạng sinh viên sau ra trường không có việc làm
 6. Mục tiêu nghiên cứu: chứng minh hiệu quả của biện pháp nâng cao trình độ, tay nghề trong quá trình đào tạo đối với việc giảm tình trạng thất nghiệp của sinh viên sau ra trường
 7. Câu hỏi nghiên cứu: nâng cao trình độ, tay nghề của sinh viên trong quá trình học đem lại những hiệu quả gì trong việc giảm tình trạng không có việc làm sau ra trường của sinh viên.
 8. Giả thuyết nghiên cứu: Việc nâng cao trình độ, tay nghề giúp giảm đáng kể số lượng sinh viên ra trường không có việc làm. Nâng cao năng lực chuyên môn của sinh viên.
 9. Phương pháp nghiên cứu: điều tra khảo sát, phân tích tài liệu
 10. Luận cứ: giải pháp này giúp giảm 15% số lượng sinh viên ra trường không có việc làm so với trước
- Sinh viên tự tin hơn đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng
11. Đối tượng nghiên cứu: sinh viên ra trường
(có thể là tư vấn hướng nghiệp)
4. **Đề tài dự báo:**
1. Sự kiện: số lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng không có việc làm ngày càng tăng.
 2. Mâu thuẫn:
Lí thuyết: sinh viên sau ra trường mong muốn có việc làm phù hợp với mình
Thực tế: sau khi ra trường nhiều sinh viên không có việc làm
 3. Câu hỏi nghiên cứu: trong tương lai, tình trạng sinh viên sau ra trường không có việc làm diễn ra như thế nào?
 4. Nhiệm vụ: Mô tả thực trạng đó
 5. Tên đề tài: Sự gia tăng của số lượng sinh viên sau ra trường không có việc làm trong giai đoạn 2016-2021.

6. Mục tiêu nghiên cứu: mô tả sự tăng lên của tình trạng đó trong giai đoạn 2016-2021.
7. Câu hỏi: Số lượng sinh viên sau ra trường không có việc làm tăng lên như thế nào trong giai đoạn 2016-2021.
8. Giả thuyết: Trong giai đoạn này số lượng sinh viên sau ra trường không có việc làm tăng lên nhiều so với giai đoạn trước.
9. Phương pháp nghiên cứu: điều tra, thống kê xã hội học
10. Luận cứ:
 - So với giai đoạn trước trong giai đoạn 2016-2021 số lượng sinh viên ra trường thất nghiệp sẽ tăng 10% so với giai đoạn trước.
 - Vẫn với cách giáo dục theo kiểu này số lượng sinh viên thất nghiệp còn gia tăng

CHỦ ĐỀ KINH TẾ

1. Đề tài mô tả:

1. Sự kiện: Buôn bán sách giả lậu trên thị trường Hà Nội
2. Mâu thuẫn:
 - Lí thuyết: sách khi xuất bản là có bản quyền và nhà nước cấm in ấn, buôn bán sách lậu dưới mọi hình thức
 - Thực tế: sách giả, lậu được buôn bán công khai ở nhiều nơi
3. Câu hỏi: Buôn bán sách giả, lậu ở Hà Nội diễn ra như thế nào?
4. Nhiệm vụ: mô tả thực trạng
5. Tên đề tài: sách giả lậu được buôn bán tự do, tràn lan trên thị trường Hà Nội.
6. Mục tiêu nghiên cứu: Thấy được tình trạng sách giả , lậu buôn bán tràn lan trên thị trường.
7. Câu hỏi nghiên cứu: Tình trạng sách giả lậu được buôn bán tự do , tràn lan trên thị trường Hà Nội như thế nào?
8. Giả thuyết nghiên cứu: Sách giả, lậu được buôn bán công khai ở nhiều nơi trên địa bàn Hà Nội.
9. Phương pháp nghiên cứu: điều tra , thống kê xã hội học,
10. Luận cứ:
 - Lí thuyết: khái niệm sách giả,lậu; tác hại của việc sản xuất sách giả ,lậu
 - Thực tế: Qua khảo sát trên địa bàn Hà Nội trong 100 cửa hàng thì 40% trong số đó có bán sách giả lậu, trà trộn giữa sách giả và thật
11. Đối tượng nghiên cứu: thị trường sách tại Hà Nội.

2. Đề tài nguyên nhân:

1. Sự kiện: buôn bán sách giả, lậu trên thị trường Hà Nội.

2. Mâu thuẫn:
 - Lí thuyết: sách khi xuất bản là có bản quyền và nhà nước cấm in ấn, buôn bán sách lậu dưới mọi hình thức.
 - Thực tế: sách giả, lậu được buôn bán công khai ở nhiều nơi
3. Câu hỏi nghiên cứu: nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng sách giả, lậu buôn bán tràn lan trên thị trường Hà Nội?
4. Nhiệm vụ : tìm ra nguyên nhân
5. Tên đề tài: Tác động của lợi ích kinh tế trong việc sách giả, lậu buôn bán tràn lan trên thị trường Hà Nội
6. Mục tiêu nghiên cứu: Chứng minh lợi ích kinh tế là nguyên nhân dẫn tới tình trạng sách giả , lậu buôn bán tràn lan trên thị trường Hà Nội.
7. Câu hỏi nghiên cứu: tại sao lợi ích kinh tế là nguyên nhân dẫn tới tình trạng sách giả, lậu buôn bán tràn lan trên thị trường Hà Nội?
8. Giả thuyết nghiên cứu: Việc bán sách đem lại lợi ích lớn, số tiền kiếm được nhiều hơn với bán sách gốc.
9. Phương pháp nghiên cứu: điều tra, khảo sát thu thập thông tin
10. Luận cứ:
 - Lí thuyết: khái niệm sách giả, tác hại của việc in ấn, bán sách giả lậu...
 - Thực tế: Việc in, bán sách giả đem lại thu nhập cao hơn 30% so với với sách gốc
Một cuốn sách thật có giá bìa hơn 90.000đ khi mua ở những hàng sách giả chỉ có giá 30000đ
11. Đối tượng nghiên cứu: thị trường sách tại Hà Nội
3. **Đề tài giải pháp:**
 1. Sự kiện: Buôn bán sách giả, lậu trên thị trường Hà Nội.
 2. Mâu thuẫn:
 - Lí thuyết: Sách khi xuất bản là có bản quyền không được sao chép dưới mọi hình thức
 - Thực tế: sách giả ,lậu được công khai ở nhiều nơi.
 3. Câu hỏi: Làm thế nào để ngăn chặn tình trạng sách giả, lậu buôn bán tràn lan trên thị trường Hà Nội.
 4. Nhiệm vụ: tìm ra giải pháp
 5. Tên đề tài: hiệu quả của cơ quan chức năng trong việc ngăn chặn tình trạng sách giả, lậu buôn bán tràn lan trên thị trường.
 6. Mục tiêu nghiên cứu: chứng minh hiệu quả của cơ quan chức năng trong việc ngăn chặn tình trạng sách giả lậu buôn bán tràn lan trên thị trường Hà Nội

7. Câu hỏi nghiên cứu: việc kiểm soát của cơ quan chức năng có tác động như thế nào trong việc ngăn chặn tình trạng sách giả, lậu buôn bán tràn lan trên thị trường Hà Nội
8. Giả thuyết nghiên cứu: Có tác động rất lớn. Việc kiểm soát chặt chẽ của cơ quan chức năng như kiểm tra thường xuyên giúp kiểm soát thị trường sách, ngăn chặn tình trạng sách giả lậu
9. Phương pháp nghiên cứu: điều tra, khảo sát, thu thập thông tin
10. Luận cứ:
 - lí thuyết: khái niệm sách giả, tác hại của việc in ấn sách giả, lậu
 - thực tế: Tính trong 6 tháng vừa qua cơ quan chức năng đã xử phạt 12 đơn vị sản xuất sách giả, xử phạt 25 nhiều điểm bán sách giả
 - Số lượng điểm bán sách giả lậu giảm 15%.
11. Đối tượng nghiên cứu: thị trường sách ở Hà Nội

CHỦ ĐỀ VĂN HÓA

1. Đề tài nguyên nhân:

1. Sự kiện: Sự mai một của nghệ thuật hát xẩm trong xã hội
2. Mâu thuẫn:
 - Lí thuyết: hát Xẩm là một loại hình văn hóa nghệ thuật dân gian cổ truyền cần được bảo tồn và phát triển.
 - Thực tế: Hát Xẩm đang bị mai một và rất ít người biết đến nó
3. Câu hỏi: Nguyên nhân nào dẫn tới tình trạng hát Xẩm đang bị mai một nhanh chóng và rất ít người biết đến nó?
4. Nhiệm vụ: tìm ra nguyên nhân
5. Tên đề tài: sự vắng bóng các nghệ nhân hát xẩm trong việc hát xẩm ngày càng bị mai một và ít người biết đến.
6. Mục tiêu nghiên cứu: chứng minh sự vắng bóng của các nghệ nhân hát xẩm là nguyên nhân dẫn tới hát xẩm ngày càng bị mai một và ít người biết đến
7. Câu hỏi nghiên cứu: tại sao sự vắng bóng của các nghệ nhân là nguyên nhân dẫn tới sự mai một của hát xẩm và ít người biết đến nó?
8. Giả thuyết nghiên cứu: Nghệ nhân là linh hồn, báu vật sống trực tiếp tham gia sáng tác, lưu trữ, truyền dạy nên sự vắng bóng của các nghệ nhân hát Xẩm làm giảm đi tính sáng tạo, sự truyền dạy từ thế hệ này sang thế hệ khác...
 9. Phương pháp nghiên cứu: điều tra, phân tích tài liệu, phỏng vấn
 10. Luận cứ:
 - Lí thuyết: khái niệm hát Xẩm, nghệ nhân, vai trò của nghệ nhân..

- Thực tế: Qua điều tra, số lượng nghệ nhân hát xẩm còn lại rất ít khoảng 50 người

Không có những lớp mở dạy về nghệ thuật hát xẩm của các nghệ nhân

11. Đối tượng nghiên cứu: Hát Xẩm, nghệ nhân hát xẩm

2. Đề tài giải pháp

1. Sự kiện: Sự mai một của nghệ thuật hát xẩm trong xã hội.

2. Mâu thuẫn

- Lí thuyết: hát Xẩm là một loại hình văn hóa nghệ thuật dân gian cổ truyền cần được bảo tồn và phát triển.

- Thực tế: Hát Xẩm đang bị mai một và rất ít người biết đến nó

3) Câu hỏi: Giải pháp nào giúp bảo tồn và phát triển nghệ thuật hát Xẩm

4) Nhiệm vụ: tìm ra giải pháp

5) Tên đề tài: hiệu quả của biện pháp mở lớp dạy hát Xẩm trong việc bảo tồn và phát triển hát Xẩm.

6) Mục tiêu nghiên cứu: chứng minh việc mở lớp dạy hát xẩm đem lại hiệu quả trong bảo tồn và phát triển nghệ thuật hát Xẩm

7) Câu hỏi nghiên cứu: việc mở lớp dạy hát Xẩm đem lại những hiệu quả gì?

8) Giả thuyết: việc mở lớp dạy hát Xẩm làm cho mọi người biết nhiều hơn đến nghệ thuật này, truyền bá nghệ thuật hát xẩm ra rộng hơn

9) phương pháp nghiên cứu: điều tra, tìm kiếm thông tin

10) luận cứ:

- Lí thuyết: khái niệm hát xẩm, các hình thức, vấn đề bảo tồn và phát triển

- Thực tế: trong 3 tháng đầu, những lớp mở học về hát Xẩm số lượng người tham gia đông, có ở mọi lứa tuổi. Về sau số người tham gia đông với nhiều hoạt động đặc sắc nhằm quảng bá môn nghệ thuật này.

10 điểm quan trọng nhất của một đề cương nckh

1. Tên đề tài
2. Tính cấp thiết
3. Lịch sử nghiên cứu
4. Mục tiêu nghiên cứu
5. Phạm vi
6. Mẫu khảo sát
7. Câu hỏi nghiên cứu
8. Giả thiết nghiên cứu
9. Luận cứ
10. Phương pháp chứng minh

6 điểm quan trọng: (1), (4), (7), (8), (9), (10)

2 điểm quan trọng: (7), (8)
1 điểm quan trọng nhất: (8)